TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20/5/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Ngân.
2. Bà Vũ Thị Hòa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thanh Huyền -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa : Bà Hoàng Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1991. Vắng mặt.
Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Tự do.
Địa chỉ: Thôn công trường 5, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1977. Vắng mặt.
Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do.
Địa chỉ: Thôn công trường 5, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 11 năm 2021, bản tự khai chị Trương Thị T trình bày nội dung vụ án như sau:

Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào ngày 03/4/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, không quan tâm chia sẻ và thường xuyên xúc phạm nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không

cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 không ai quan tâm trách nhiệm đến ai. Đến nay chị Trương Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống chị Trương Thị T xác định chị và anh Nguyễn Xuân T có 01 con chung, cháu Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014. Chị Trương Thị T đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Nguyễn Xuân T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Xuân T để lấy ý kiền, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Xuân T thường xuyên đi làm ăn vắng mặt tại địa phương. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Điều 147; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự . Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị T như sau: Tuyên xử chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T. Giao cháu Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Trương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, chị Trương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt . Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị T, anh Nguyễn Xuân T theo quy định khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện đăng ký kết kết hôn ngày 03 tháng 4 năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp , bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện, vợ chồng không sống chung từ năm 2020 đến nay. Chị Trương Thị T trình bày cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không có tình cảm, vì con chị đã cố gắng rất nhiều nhưng anh Trường vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị T.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Chị Trương Thị T xác định chị và anh Nguyễn Xuân T có 01 con chung cháu Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần và yêu cầu anh Trường đưa cháu Trâm Anh lên toà để lấy ý kiến nguyện vọng của cháu nhưng anh Trường không đến viết bản tự khai trình bày ý kiến và cũng không đưa cháu Trâm Anh đến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận định hiện nay cháu Trâm Anh vẫn đang ở với anh Trường, trong quá trình giải quyết chị Thuỵ trình bày do thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên không có thời gian và điều kiện chăm sóc con chung nên chị cũng nhất trí để cho anh Trường trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Qua xác minh tại địa phương hiện nay cháu Trâm Anh vẫn được anh Trường và bà Nội quan tâm chăm sóc, cháu được học hành đầy đủ. Xét nguyện vọng của chị Thuỵ về việc giao nuôi con chung và để ổn định cuộc sống cũng như sinh hoạt của cháu Trâm Anh cần giao cháu Trâm Anh cho anh Trường nuôi dưỡng là phù hợp. Vì anh Trường không đến Toà trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình nên không đề cập giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Khi nào anh Trường có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác. Do vậy, có căn cứ chấp nhận giao con chung cho anh Nguyễn Xuân T nuôi dưỡng, tạm thời chị Thuỵ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị Trương Thị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Buộc chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014 cho anh Nguyễn Xuân T quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Trương Thị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001289 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Chị Thuỵ đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các §iều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Hương

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, TP;*
- *Chi cục THADS TP;*
- *Đương sự;*
- *Sở tư pháp;*
- *UBND xã Cam Đường;*
- *Lưu hồ sơ;*